

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01.01.2018 đến ngày 31.12.2018

MỤC LỤC

	Trang
Bảng Cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính	7 - 28

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.899.401.347.285	1.653.127.363.054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	186.336.871.446	103.977.942.158
1. Tiền	111		112.336.871.446	103.977.942.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		896.638.859.979	800.627.381.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	751.104.006.774	649.415.339.459
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		82.160.916.296	81.719.521.898
5. Các khoản phải thu khác	136	5.3	63.373.936.909	70.773.723.214
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(1.281.203.571)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	755.793.277.631	716.056.207.902
1. Hàng tồn kho	141		758.472.453.950	718.261.464.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.679.176.319)	(2.205.256.156)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.632.338.229	32.465.831.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	12.071.999.769	15.993.009.907
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.887.162.291	14.702.012.873
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	2.673.176.169	1.770.809.214
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		598.000.883.993	630.142.755.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.506.894.376	56.769.114.822
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	23.506.894.376	56.769.114.822
II. Tài sản cố định	220		275.667.158.269	269.443.321.464
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	254.495.262.020	244.692.035.196
- Nguyên giá	222		737.988.924.269	717.405.098.456
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(483.493.662.249)	(472.713.063.260)
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	21.171.896.249	24.751.286.268
- Nguyên giá	228		42.517.700.032	41.254.610.032
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(21.345.803.783)	(16.503.323.764)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.220.806.728	20.636.297.712
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.220.806.728	20.636.297.712
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	257.458.937.476	245.895.803.579
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.535.268.520	152.908.200.274
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.216.920.657	58.861.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.706.748.299	34.125.613.385
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.147.087.144	37.398.218.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	40.147.087.144	37.398.218.389
TỔNG TÀI SẢN	270		2.497.402.231.278	2.283.270.119.020

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.157.715.417.432	1.960.866.006.869
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.045.170.766.854	1.859.708.010.448
	2 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	346.104.305.175	280.376.891.231
	3 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.178.541.526	9.699.375.125
	4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	6.841.248.517	6.287.873.733
	5 . Phải trả người lao động	314		141.661.136.567	90.327.994.229
	6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	28.733.732.765	39.966.664.735
	8 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.11	1.183.340.727	12.054.922.758
	9 . Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	15.184.856.116	21.527.938.855
	. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.475.022.665.226	1.341.689.955.034
	. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	-	39.860.750.361
	. Quỹ khen thưởng ,phúc lợi	322		20.260.940.235	17.915.644.387
II.	Nợ dài hạn	330		112.544.650.578	101.157.996.421
	1 . Phải trả người bán dài hạn	331	5.8	1.464.192.588	1.023.054.500
	6 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.11	46.991.664.479	22.869.583.121
	7 . Phải trả dài hạn khác	337	5.12	3.885.580.092	4.794.960.183
	8 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	60.203.213.419	72.470.398.617
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.686.813.846	322.404.112.151
I.	Vốn chủ sở hữu	410	5.15	339.686.813.846	322.404.112.151
	1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
	8 . Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
	. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.286.916.133	109.004.214.438
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN		440		2.497.402.231.278	2.283.270.119.020

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng
Kế toán

Tổng Giám đốc



Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 năm 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Q.4	Kỳ Q.4	Lũy kế	
			kết thúc ngày 31/12/2018	kết thúc ngày 31/12/2017	Từ ngày 01.01.2018 đến ngày 31.12.2018	Từ ngày 01.01.2017 đến ngày 31.12.2017
			2	2		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.081.680.904.726	900.939.839.270	3.603.967.188.954	3.123.967.323.694
2. Các khoản giảm trừ	02		8.396.499.529	4.216.111.607	22.944.734.318	12.519.468.292
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.073.284.405.197	896.723.727.663	3.581.022.454.636	3.111.447.855.402
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	876.840.234.717	709.212.651.529	2.859.335.498.946	2.427.132.305.556
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		196.444.170.480	187.511.076.134	721.686.955.690	684.315.549.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	24.138.063.099	9.503.954.037	64.941.051.413	39.802.025.492
7. Chi phí tài chính	22	5.19	37.339.469.565	10.256.592.926	99.002.645.580	37.958.539.184
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.949.089.702	7.988.552.076	45.027.616.446	27.196.296.899
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	103.055.427.456	96.370.954.847	337.058.571.723	318.423.145.833
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	62.230.143.360	72.196.832.685	267.594.364.976	286.281.458.841
10. Lợi tức thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		17.957.193.198	18.190.649.713	82.972.424.824	81.454.431.481
11. Thu nhập khác	31		6.229.838.669	7.065.028.754	7.858.193.826	8.045.175.772
12. Chi phí khác	32		603.045.998	629.253.538	1.140.983.033	963.696.142
13. Lợi nhuận khác	40	5.22	5.626.792.671	6.435.775.216	6.717.210.793	7.081.479.630
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		23.583.985.869	24.626.424.929	89.689.635.617	88.535.911.110
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.885.383.827	4.406.969.974	14.948.324.074	14.533.866.193
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		18.698.602.042	20.219.454.955	74.741.311.543	74.002.044.917

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng
Kế toán

Tổng Giám đốc



Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		89.689.635.617	88.535.911.110
2. Điều chỉnh các khoản			130.279.539.298	43.461.452.570
- Khấu hao tài sản cố định	02		60.101.748.957	60.059.850.846
- Các khoản dự phòng	03		39.053.466.953	1.076.375.413
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	4.420.701
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.128.014.822)	(44.875.491.289)
- Chi phí lãi vay	06		45.252.338.210	27.196.296.899
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		219.969.174.915	131.997.363.681
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(98.440.955.162)	(304.764.446.949)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.210.989.892)	(77.557.810.616)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		41.840.388.110	242.964.942
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.172.141.383	740.401.265
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.252.338.210)	(27.196.296.899)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.753.712.671)	(16.410.622.862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		420.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.605.090.326)	(8.344.639.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		51.138.618.147	(301.293.086.439)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54.000.179.444)	(70.388.405.584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		923.410.910	47.833.658.280
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.304.815.651)	(13.972.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.741.681.754	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.294.688.578	22.978.908.380
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(44.345.213.853)	(13.547.838.924)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.538.214.394.645	2.873.901.912.524
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.417.148.869.651)	(2.456.187.974.110)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		75.565.524.994	372.213.938.414
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		82.358.929.288	57.373.013.050
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		103.977.942.158	46.203.334.462
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	401.594.645
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	5.1	186.336.871.446	103.977.942.158

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng
Kế toán

Tổng Giám đốc



Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2018: 4.125 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

Các Công ty con	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	82,35%	82,35%
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51,00%	51,00%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	58,35%	58,35%
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%
Công ty CP BĐS Nhà Bè	51,57%	51,57%
Công ty CP May Đức Linh	65,08%	65,08%
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	8,82%	8,82%
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28,58%	28,58%
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30,00%	30,00%
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29,99%	29,99%
Công ty CP truyền thông & Du lịch NBC	45,43%	45,43%
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25,00%	25,00%
Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi Nhánh 3 – Tổng công ty May Nhà Bè – CTCP tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định

Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐổi với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/09/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/09/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiềnTiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.529.982.088	7.891.633.416
Tiền gửi ngân hàng	108.806.889.358	96.086.308.742
Các khoản tương đương tiền	74.000.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>74.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng	186.336.871.446	103.977.942.158

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	751.104.006.774	649.415.339.459
CANDA	11.402.440.990	11.083.856.521
MOTIVES	88.854.234.747	28.235.125.479
PROMINENT/ITOCHU	4.848.246.706	15.415.427.039
JC PENNY	37.368.558.785	38.194.011.787
ARCADIA	36.819.801.811	35.438.604.139
BMB CLOTHING GROUP	31.002.645.249	41.026.113.023
DEBENHAMS RETAIL	5.842.133.821	11.696.120.262
GENEROS	29.340.037.927	24.262.890.217
PRIMARK	10.568.211.664	30.502.851.190
RIVER	24.501.733.850	11.445.596.543
MATTALAN	8.898.408.153	9.914.956.339
Công Ty CP May Gia Phúc	40.623.515.573	26.683.331.045
Vinatex (VSC)	24.104.112.592	57.867.174.827
Phải thu các đối tượng khác	396.929.924.906	296.034.208.785
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng cộng	751.104.006.774	649.415.339.459

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	dự phòng	Giá trị ghi sổ	dự phòng
Ngắn hạn	63.373.936.909	-	70.773.723.214	
Phải thu BHXH	3.929.335.429		3.114.195.227	
Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	14.472.300		8.008.336.539	
Ứng tiền đầu tư dự án Đức Linh 2	847.413.953		-	
Bùi Thị Mỹ Linh	-		7.000.000.000	
Công ty CP May Hoài Ân	-		2.000.000.000	
Phải thu tạm ứng	2.189.751.157		4.983.945.884	
Phải thu các công ty con, LDLK	36.262.661.275		27.765.050.741	
Phải thu bán nguyên phụ liệu	-		1.944.509.732	
Phải thu lãi	-		3.078.582.191	
Kỹ quỹ ký cược	200.209.750		206.220.750	
Phải thu khác	19.547.744.212		12.672.882.150	
Phải thu người lao động	382.348.833			
Dài hạn	23.506.894.376	-	56.769.114.822	
Kỹ quỹ ký cược	2.923.407.047		3.608.553.672	
Công Ty CP May Phù Cát	6.340.275.000		6.340.275.000	
Mua đất dự án Long Thới	-		34.296.286.150	
Phải thu các công ty con, LDLK	14.243.212.329		12.000.000.000	
Phải thu khác	-		524.000.000	
Tổng	93.596.864.201	-	127.542.838.036	

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hàng mua đang đi trên đường	277.133.722	48.892.618
Nguyên liệu, vật liệu	271.040.761.394	283.958.158.096
Công cụ, dụng cụ	128.333.137	1.723.446.437
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	316.393.007.166	282.076.937.654
Thành phẩm	64.487.921.278	64.199.534.486
Hàng hoá	9.341.784.610	10.203.082.128
Hàng gửi đi bán	96.803.512.643	76.051.412.639
Tổng	758.472.453.950	718.261.464.058
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.679.176.319)	(2.205.256.156)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	755.793.277.631	716.056.207.902

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng (VND)
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	250.248.509.563	417.081.227.315	37.966.956.352	12.108.405.226	717.405.098.456
Tăng trong năm	4.919.861.528	78.773.889.787	63.773.139.925	291.133.260	147.758.024.500
Mua trong năm	2.000.363.449	43.779.537.688	2.817.831.975	291.020.000	48.888.753.112
XDCB hoàn thành	1.932.375.742	18.726.256.726	2.605.194.848	-	23.263.827.316
Tăng do điều chuyển nội bộ	910.251.800	14.943.335.956	1.287.802.820	-	17.141.390.576
Tăng khác	76.870.537	1.324.759.417	57.062.310.282	113.260	58.464.053.496
Giảm trong năm	19.239.937.856	91.326.598.230	11.856.671.573	4.750.991.028	127.174.198.687
Thanh lý, nhượng bán	-	40.669.050.322	10.554.367.674	32.785.758	51.256.203.754
Giảm do điều chuyển nội bộ	910.251.800	14.943.335.956	1.287.802.820	-	17.141.390.576
Giảm Khác	18.329.686.056	35.714.211.952	14.501.079	4.718.205.270	58.776.604.357
Số dư tại 31/12/2018	235.928.433.235	404.528.518.872	89.883.424.704	7.648.547.458	737.988.924.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	146.882.845.752	294.611.689.224	21.275.555.367	9.942.972.917	472.713.063.260
Tăng trong năm	12.010.950.023	42.389.483.287	55.190.904.975	697.380.742	110.288.719.027
Khấu hao trong năm	11.954.920.424	38.002.041.550	4.674.030.690	628.276.274	55.259.268.938
Tăng do điều chuyển nội bộ	-	3.480.077.304	3.821.918	-	3.483.899.222
Tăng khác	56.029.599	907.364.433	50.513.052.367	69.104.468	51.545.550.867
Giảm trong năm	11.307.666.045	74.107.958.039	9.954.715.385	4.137.780.569	99.508.120.038
Thanh lý, nhượng bán	-	34.240.699.914	9.892.633.416	32.785.758	44.166.119.088
Giảm do điều chuyển nội bộ	-	3.415.209.804	3.821.918	64.867.500	3.483.899.222
Giảm Khác	11.307.666.045	36.452.048.321	58.260.051	4.040.127.311	51.858.101.728
Số dư tại 31/12/2018	147.586.129.730	262.893.214.472	66.511.744.957	6.502.573.090	483.493.662.249
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	103.365.663.811	122.469.538.091	16.691.400.985	2.165.432.309	244.692.035.196
Tại 31/12/2018	88.342.303.505	141.635.304.400	23.371.679.747	1.145.974.368	254.495.262.020

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	10.412.905.271		5.838.965.451	25.002.739.310		41.254.610.032
Tăng trong năm	1.578.713.790		45.482.007	2.887.285.797		4.511.481.594
Mua trong kỳ				1.263.090.000		1.263.090.000
Tăng khác	1.578.713.790		45.482.007	1.624.195.797		3.248.391.594
Giảm trong năm	1.578.713.790		45.482.007	1.624.195.797		3.248.391.594
Giảm khác	1.578.713.790		45.482.007	1.624.195.797		3.248.391.594
Số dư tại 31/12/2018	10.412.905.271		5.838.965.451	26.265.829.310		42.517.700.032
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	2.310.305.777		4.899.604.329	9.293.413.658		16.503.323.764
Tăng trong năm	534.116.418		1.112.540.332	4.164.237.872		5.810.894.622
Khấu hao trong năm	375.085.638		671.836.348	3.795.558.033		4.842.480.019
Tăng khác	159.030.780		440.703.984	368.679.839		968.414.603
Giảm trong năm	147.836.505		527.710.619	292.867.479		968.414.603
Giảm khác	147.836.505		527.710.619	292.867.479		968.414.603
Số dư tại 31/12/2018	2.696.585.690		5.484.434.042	13.164.784.051		21.345.803.783
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2018	8.102.599.494		939.361.122	15.709.325.652		24.751.286.268
Tại 31/12/2018	7.716.319.581		354.531.409	13.101.045.259		21.171.896.249

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Vốn nắm giữ	Tỷ lệ		Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018		Dự phòng
		Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý	
Đầu tư vào công ty con								
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.197.540	139.535.268.520	-	152.908.200.274	-	-
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.760	11.535.620.000		11.535.620.000		
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	5.817.648.520		5.817.648.520		
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	7.650.000.000		7.650.000.000		
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	82,35%	82,35%	1.400.000	15.300.000.000		15.300.000.000		
Công ty cổ phần May Bình Thuận	51,00%	51,00%	1.275.000	14.000.000.000		7.000.000.000		
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	58,35%	58,35%	2.778.200	12.750.000.000		12.750.000.000		
Công ty CP May Gia Phúc	-	-	-	27.782.000.000		27.782.000.000		
Công ty CP BĐS Nhà Bè	51,57%	51,57%	1.470.000	-		17.500.000.000		
Công ty CP May Đức Linh	65,08%	65,08%	3.000.000	14.700.000.000		16.700.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				30.000.000.000		23.222.931.754		
Công ty cổ phần May Phú Thịnh				84.216.920.657		58.861.989.920	7.563.360.000	-
Công ty cổ phần May 9 Nam Định	26,78%	26,78%	401.625	-		9.223.819.263	7.563.360.000	
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NĐ	28,58%	28,58%	6.858	5.227.920.657		3.889.170.657		
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	3.429.000.000	-	3.429.000.000		
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	15.360.000.000		15.360.000.000		
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	1.500.000.000		1.500.000.000		
Công ty CP truyền thông & Du lịch NBC	45,43%	45,43%	1.440.000	3.000.000.000		3.000.000.000		
Công ty TNHH May mặc Tư Nghĩa	25,00%	25,00%		14.400.000.000		14.400.000.000		
Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	918.000	7.500.000.000		7.500.000.000		
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	1.512.000	9.180.000.000		-		
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	950.000	15.120.000.000		-		
				9.500.000.000		-		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ		Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018		Dự phòng	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc		Giá hợp lý
Đầu tư dài hạn khác								
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu								
Công ty CP May An Nhơn								
Đầu tư dài hạn khác								
Công ty CP & Đầu tư Bình Thắng	18,02%	18,02%		5.802.843.385		5.802.843.385		
Công ty CP NPL Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000		7.161.920.000		
Công ty CP BĐS Việt nam	10,88%	10,88%		3.480.000.000		3.480.000.000		
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000		4.225.000.000		
Tổng Cty Việt Thắng - CTCP	1,86%	1,86%		5.337.100.000		5.337.100.000		
Công Ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	15,00%	15,00%		5.250.000.000		5.250.000.000		
Công ty cổ phần May Phú Thịnh	8,82%	8,82%		2.449.884.914		-		
Tổng				33.706.748.299	-	34.125.613.385	1.530.000.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	346.104.305.175	346.104.305.175	280.376.891.231	280.376.891.231
Công ty CP May Tam Quan	17.372.053.288	17.372.053.288	12.519.303.216	12.519.303.216
Công ty CP May Gia Lai	15.760.441.720	15.760.441.720	11.612.883.727	11.612.883.727
Motives (Far East) Ltd.	13.144.406.811	13.144.406.811	7.561.243.477	7.561.243.477
Công Ty CP May Phù Cát	13.437.749.135	13.437.749.135	12.010.430.818	12.010.430.818
Kufner Hong Kong LTD.	13.352.482.590	13.352.482.590	7.442.729.479	7.442.729.479
Freudenberg & Vilene International Ltd.	1.267.385.373	1.267.385.373	4.706.661.541	4.706.661.541
Công ty CP May Bình Thuận	12.396.734.274	12.396.734.274	8.481.939.054	8.481.939.054
Công ty CP May Đà Lạt	4.791.776.122	4.791.776.122	6.087.164.354	6.087.164.354
Phải trả các nhà cung cấp khác	254.581.275.862	254.581.275.862	209.954.535.565	209.954.535.565
Dài hạn	1.464.192.588	1.464.192.588	1.023.054.500	1.023.054.500
Công Ty CP Long Phương Đông	1.464.192.588	1.464.192.588	1.023.054.500	1.023.054.500
Tổng	347.568.497.763	347.568.497.763	281.399.945.731	281.399.945.731

5.9 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2018	31/12/2018
Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng	3.150.437.456	4.131.255.185
Thuế XNK	9.430.344	151.529.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.737.206	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.306.732.060	2.274.414.081
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	540.256.667	284.050.070
Thuế nhà thầu	161.280.000	-
Tổng	6.287.873.733	6.841.248.517
Phải thu		
Thuế giá trị gia tăng	-	439.048
Thuế XNK	1.726.770.076	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	952.657.516
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-
Tổng	1.770.809.214	2.673.176.169

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	28.733.732.765	39.966.664.735
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	22.090.762.487	16.856.673.709
Nguyên phụ liệu	1.363.354.677	15.653.370.559
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.738.575.604	6.380.608.250
Chi phí phải trả khác	541.039.997	1.076.012.217
Tổng	28.733.732.765	39.966.664.735

5.11 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.638.897.869	12.054.922.758
Doanh thu nhận trước	23.638.897.869	12.054.922.758
b) Dài hạn	24.536.107.337	22.869.583.121
Doanh thu nhận trước	24.536.107.337	22.869.583.121
Tổng	48.175.005.206	34.924.505.879

5.12 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.184.856.116	21.527.938.855
Kinh phí công đoàn	1.377.968.479	2.306.302.267
Bảo hiểm xã hội	549.238.324	942.447.755
Bảo hiểm y tế	2.657.417.760	1.920.452.105
Bảo hiểm thất nghiệp	892.793.111	647.468.034
Phải trả khác	9.707.438.442	15.711.268.694
b) Dài hạn	3.885.580.092	4.794.960.183
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	1.141.235.092	2.282.470.183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.744.345.000	2.512.490.000
Tổng	19.070.436.208	26.322.899.038

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.475.022.665.226	1.475.022.665.226	1.341.689.955.034	1.341.689.955.034
NH Ngoại Thương VN (VCB)	744.168.611.752	744.168.611.752	679.420.741.188	679.420.741.188
NH VIB		-	925.551.853	925.551.853
NH Á Châu (ACB)	96.104.957.386	96.104.957.386	-	-
NH Far East National Bank (SINOPAC)	46.229.558.646	46.229.558.646	60.451.798.443	60.451.798.443
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam	78.882.455.781	78.882.455.781	345.235.459.034	345.235.459.034
NH Đông nam Á - CN Chợ Lớn	229.383.479.508	229.383.479.508	-	-
NH Standard Chartered	47.295.185.059	47.295.185.059	8.109.876.423	8.109.876.423
NH Công Thương VN - TP.HCM	199.205.402.303	199.205.402.303	214.278.529.715	214.278.529.715
Nợ dài hạn đến hạn trả	33.753.014.791	33.753.014.791	33.267.998.378	33.267.998.378
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	17.426.250.000	17.426.250.000	19.643.040.000	19.643.040.000
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	2.724.000.000	2.724.000.000	4.445.672.000	4.445.672.000
Ngân hàng Công Thương VN CN4- VND	9.862.634.276	9.862.634.276	8.027.119.774	8.027.119.774
Ngân hàng Công Thương VN CN4- USD	3.740.130.515	3.740.130.515	1.152.166.604	1.152.166.604
Vay dài hạn	60.203.213.419	60.203.213.419	72.470.398.617	72.470.398.617
Ngân hàng Công Thương VN CN4-VNĐ	28.156.821.929	28.156.821.929	29.920.280.942	29.920.280.942
Ngân hàng Công Thương VN CN4-USD	13.318.956.490	13.318.956.490	3.686.932.675	3.686.932.675
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	2.696.000.000	2.696.000.000	5.420.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	16.031.435.000	16.031.435.000	33.443.185.000	33.443.185.000
CỘNG	1.535.225.878.646	1.535.225.878.646	1.414.160.353.651	1.414.160.353.651



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	-	39.860.750.361
Dự phòng quỹ tiền lương	-	39.860.750.361
b) Dài hạn	-	-
Tổng	-	39.860.750.361

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Lãi trong năm trước			74.002.044.917	74.002.044.917
Trích lập các quỹ			11.840.327.186	11.840.327.186
Chia trả cổ tức 2016			45.500.000.000	45.500.000.000
Giảm khác			2	2
Số dư tại 31/12/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151
Lãi trong kỳ	-	-	74.741.311.543	74.741.311.543
Trích lập các quỹ	-	-	11.958.609.848	11.958.609.848
Chia trả cổ tức 2017	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Số dư tại 31/12/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	126.286.916.133	339.686.813.846

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	tỷ lệ %
Tập đoàn dệt may Việt Nam	50.400.000.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty cổ phần 4M	17.800.000.000	17.800.000.000	9,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	491.220.000	0,27%
Vốn góp khác	113.308.780.000	113.308.780.000	62,26%
Tổng	182.000.000.000	182.000.000.000	100,00%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Vốn góp tại đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp tại cuối kỳ	182.000.000.000	182.000.000.000
d. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000
e. Các quỹ doanh nghiệp		
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.603.967.188.954	3.123.967.323.694
Doanh thu bán hàng	3.506.870.959.499	3.084.503.197.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.096.229.455	30.926.042.337
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	-	8.538.083.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	22.944.734.318	12.519.468.292
Giảm giá hàng bán	2.980.132.976	1.456.279.169
Hàng bán trả lại	19.964.601.342	11.063.189.123
Tổng	3.581.022.454.636	3.111.447.855.402

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	37.447.110.365	916.508.492
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.821.888.388.581	2.423.890.465.730
Giá vốn chuyển nhượng BĐS	-	2.325.331.333
Tổng	2.859.335.498.946	2.427.132.305.555

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.18	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	Lãi tiền gửi ngân hàng	2.212.113.429	263.910.428
	Lãi cho vay	2.900.182.092	-
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.494.504.229	25.787.997.952
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.334.251.663	13.750.117.112
	Tổng	64.941.051.413	39.802.025.492
5.19	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	Lãi tiền vay	45.027.616.446	27.196.296.899
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.866.416.407	10.757.821.584
	Lỗ từ đầu tư ngắn hạn, dài hạn	108.612.727	-
	Tổng	99.002.645.580	37.958.539.184
5.20	Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	Chi phí nhân viên	74.244.196.977	71.206.450.248
	Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.688.734.923	4.100.467.855
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.259.730.154	5.390.637.832
	Chi phí khấu hao TSCĐ	4.469.292.691	2.193.960.081
	Thuế, phí, lệ phí	147.081.634	114.312.797
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.746.244.090	210.708.308.660
	Chi phí bằng tiền khác	20.503.291.254	24.709.008.360
	Tổng	337.058.571.723	318.423.145.833
5.21	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
	Chi phí nhân viên quản lý	159.989.092.059	165.917.241.372
	Chi phí vật liệu quản lý	12.833.074.222	14.865.807.609
	Chi phí đồ dùng văn phòng	5.393.637.610	6.050.434.447
	Chi phí khấu hao TSCĐ	15.791.090.578	23.203.814.175
	thuế phí và lệ phí	4.501.820.973	3.945.114.576
	Chi phí dự phòng	546.709.701	655.592.730
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.888.999.796	37.821.353.612
	Chi phí bằng tiền khác	29.649.940.038	33.822.100.320
	Tổng	267.594.364.976	286.281.458.841

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	1.597.441.266	731.296.269
Chênh lệch tiền gia công	16.504.494	4.742.439
Thu nhập do xử lý công nợ	3.546.598	6.283.800.224
Thu hồi nguyên vật liệu	245.445.601	-
Thu nhập khác	5.995.255.867	1.025.336.840
Tổng	7.858.193.826	8.045.175.772
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	8.259.377	-
Phạt vi phạm hành chính	902.512.651	242.097.960
Chênh lệch tiền gia công giá vốn hàng bị cháy	55.970.554	72.939.709
Chi phí khác	174.240.451	648.658.473
Tổng	1.140.983.033	963.696.142
Lợi nhuận khác	6.717.210.793	7.081.479.630

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.689.635.617	88.535.911.110
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	7.450.423.331	6.842.917.806
- Các khoản chi phí không chứng từ	5.598.660.680	5.702.724.145
- Các khoản phạt	902.512.651	242.097.960
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	949.250.000	893.675.000
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	4.420.701
- Khác	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	22.398.438.578	22.709.497.952
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.398.438.578	22.709.497.952
- Cổ tức	-	-
Thu nhập chịu thuế	74.741.620.370	72.669.330.964
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN phát sinh đối với hoạt động chính	14.948.324.074	14.533.866.193
Chi phí thuế TNDN	14.948.324.074	14.533.866.193

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Người lập



Võ Nguyễn Thùy Dung

Trưởng phòng
Kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

